

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

Số: 1740 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử
tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CÔNG VĂN ĐẾN

CV Số:.....1203.....

Ngày 20 tháng 6 năm 2016

Lưu hồ sơ:.....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về
TMĐT;

Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-TTG ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính
phủ phê duyệt Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014
- 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Công văn số 834/SCT-
KHTCTH ngày 20/6/2016 về ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh
Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển thương mại
điện tử tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ
tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Công Thương và Cục TMĐT và CNTT;
- TTTr Tỉnh ủy, TTtr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - tin học tỉnh;
- Lưu VT, CN, TM;

Gửi: Bản điện tử.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Tất Thắng

KẾ HOẠCH

Phát triển thương mại điện tử tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1740/QĐ-UBND
ngày 24/6/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

**A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

Thực hiện Quyết định số 1073/QĐ-TTg ngày 12/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2011 - 2015, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 07/01/2011 về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển thương mại điện tử (TMĐT) tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011 - 2015.

Sau 05 năm triển khai, đã đạt được một số kết quả, cụ thể: Tổ chức 11 lớp với trên 2000 lượt người tham gia để phổ biến pháp luật và tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân và doanh nghiệp trong ứng dụng TMĐT. Hỗ trợ xây dựng 06 website TMĐT cho doanh nghiệp. Tiến hành khảo sát, đánh giá mức độ ứng dụng TMĐT của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nâng cấp sàn giao dịch TMĐT của tỉnh. Ứng dụng dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4 tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là UBND cấp huyện). Đến nay, toàn tỉnh cung cấp 401 dịch vụ công (DVC) trực tuyến cấp độ 3 (đạt 29,9%) và 04 DVC TT mức độ 4 tại cơ quan Hải quan, Thuế và Bảo hiểm xã hội. Mô hình thí điểm “một cửa điện tử” được triển khai và phát huy hiệu quả tại 5/20 sở, ban, ngành cấp tỉnh; 10/13 huyện, thành phố, thị xã; 3/262 xã, phường, thị trấn. 100% sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện và UBND xã, phường, thị trấn được cung cấp và ứng dụng chữ ký số trong gửi nhận văn bản điện tử. Tỷ lệ văn bản điện tử, qua mạng tại cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện trên 95%, cấp xã trên 65%. Phần mềm hội nghị trực tuyến tiếp tục kết nối với Bộ, ngành, UBND cấp huyện đã phát huy hiệu quả cao, đáp ứng tốt và kịp thời trong hoạt động chỉ đạo điều hành của tỉnh và của Trung ương.

Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, TMĐT đã đạt được một số kết quả khá, góp phần thúc đẩy phát triển xuất khẩu, hội nhập kinh tế quốc tế trên địa bàn tỉnh. Nhận thức của người dân và doanh nghiệp, cán bộ công chức về TMĐT không ngừng được nâng cao. Pháp luật trong hoạt động TMĐT được phổ biến rộng rãi. Người dân, đặc biệt giới trẻ sử dụng internet để mua hàng và thanh toán trực tuyến trên các website bán hàng hoặc trên các mạng xã hội ngày càng nhiều. Qua kết quả điều tra, khảo sát, xếp hạng của Hiệp hội TMĐT Việt Nam, các chỉ số TMĐT được cải thiện qua các năm như sau: Năm 2014, tỉnh Hà Tĩnh xếp thứ 43/63 về nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ thông tin, xếp thứ 36/63 về chỉ số về giao dịch B2C, xếp thứ 31/63 về chỉ số giao dịch B2B, xếp thứ 39/63 về chỉ số TMĐT. Năm 2015, tỉnh Hà Tĩnh xếp thứ 25 về nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ thông tin (tăng 18 bậc so với năm 2014), xếp thứ 20/63

về chỉ số giao dịch B2C (tăng 16 bậc so với năm 2014), xếp thứ 24/63 về chỉ số TMĐT (tăng 15 bậc so với năm 2014).

Tuy vậy, phát triển TMĐT trên địa bàn tỉnh còn những tồn tại, hạn chế, cụ thể:

- Sự phối hợp giữa các Sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan đoàn thể trong đẩy mạnh phát triển TMĐT trên địa bàn tỉnh còn nhiều bất cập. Công tác tuyên truyền, phổ biến chưa thực hiện rộng rãi và chưa đồng bộ trong cộng đồng nên phát triển hạ tầng và hiệu quả ứng dụng TMĐT chưa cao.

- Việc khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4 còn nhiều hạn chế, chưa đạt hiệu quả cao. Nguyên nhân do người dân, doanh nghiệp chưa thật sự quan tâm và nhận thức được lợi ích của dịch vụ trực tuyến, nộp hồ sơ trực tuyến mà thường giao dịch trực tiếp theo phương thức truyền thống. Số lượng DVC trực tuyến cấp độ 3 và 4 đã triển khai còn thấp (mới đạt 29,9% trên tổng số DVC).

- Doanh nghiệp chưa thật sự nhận thức đầy đủ về lợi ích, tầm quan trọng và xu hướng TMĐT trong thời đại công nghệ thông tin; kết cấu hạ tầng ứng dụng TMĐT chưa đồng bộ. Số lượng doanh nghiệp sử dụng website TMĐT ít, chỉ những doanh nghiệp có quy mô lớn sử dụng website thông tin.

- Nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin và TMĐT tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh hầu hết chưa được đào tạo chuyên sâu về CNTT và TMĐT do vậy khả năng khai thác sử dụng phần mềm, tiện ích còn hạn chế. Chưa chú trọng tìm hiểu và nắm bắt các quy định pháp luật trong giao dịch điện tử.

- Tỷ lệ sử dụng chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong giao dịch điện tử của doanh nghiệp còn thấp (toàn tỉnh đến nay mới có 125 doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để giao dịch điện tử). Đa số người dân e ngại về an ninh mạng và rủi ro trong giao dịch TMĐT.

- Các doanh nghiệp bán hàng chưa liên kết với ngân hàng để thanh toán bằng thẻ (chỉ có một số siêu thị, cửa hàng lớn áp dụng thanh toán qua thẻ ngân hàng).

- Mặc dù trong thời gian qua, tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng DVC trực tuyến và công khai các thông tin trên trang website thông tin của các cơ quan, tuy nhiên doanh nghiệp và người dân chưa khai thác hiệu quả để tối đa hóa lợi ích (chỉ số giao dịch cơ quan nhà nước với doanh nghiệp, năm 2015 Hà Tĩnh xếp thứ 38/63 tỉnh thành trong cả nước).

B. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TỈNH HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển hạ tầng cơ bản và triển khai giải pháp, hoạt động hỗ trợ phát triển lĩnh vực TMĐT, đưa TMĐT trở thành hoạt động sử dụng, ứng dụng phổ

biến trong các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất kinh doanh và người dân trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ, tư vấn, đào tạo nguồn nhân lực ứng dụng TMĐT cho tổ chức, cá nhân góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- *Kết cấu hạ tầng TMĐT:*

+ Sử dụng chữ ký số để đảm bảo an toàn bảo mật trong các giao dịch điện tử: 70% các tổ chức, cá nhân áp dụng chữ ký số và chứng thực chữ ký số trong giao dịch điện tử.

+ Đẩy mạnh sử dụng thẻ thanh toán thay thế thanh toán bằng tiền mặt; 80% các siêu thị, trung tâm thương mại, đại lý, cửa hàng... tích hợp thanh toán bằng thẻ; 60% doanh nghiệp cung cấp điện, nước, viễn thông, dịch vụ... sử dụng phương thức thanh toán bằng các phương tiện điện tử.

- *Môi trường ứng dụng TMĐT:*

+ Nâng cao chỉ số các loại hình giao dịch thương mại điện tử: Doanh nghiệp - doanh nghiệp (B2B); doanh nghiệp - người tiêu dùng (B2C); doanh nghiệp - chính phủ (B2G).

+ Phân đầu 100% doanh nghiệp sử dụng thư điện tử trong giao dịch và trao đổi thông tin. 70 - 80% doanh nghiệp có trang thông tin điện tử để giới thiệu, quảng bá. 60 - 70% doanh nghiệp chào bán hàng hóa của tỉnh trên các sàn giao dịch TMĐT của Việt Nam và thế giới.

+ 90% DVC trực tuyến mức độ 3 và 30% DVC trực tuyến mức độ 4 ở những lĩnh vực quan trọng. Triển khai đồng bộ mô hình "một cửa điện tử" tại các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn toàn tỉnh. 100% văn bản thông thường trao đổi giữa cơ quan quản lý nhà nước các cấp được thực hiện bằng phương thức điện tử.

+ Mua sắm trực tuyến trở thành hình thức phổ biến của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

- *Nguồn nhân lực TMĐT:*

+ 100% cán bộ quản lý nhà nước biết đến lợi ích của TMĐT.

+ 4.000 lượt cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp, người dân được đào tạo, tập huấn về TMĐT, pháp luật trong hoạt động TMĐT.

+ 3.000 lượt sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng... trên địa bàn tỉnh được đào tạo, tập huấn khởi nghiệp về TMĐT, đáp ứng nhu cầu ứng dụng nguồn nhân lực TMĐT cho doanh nghiệp.

II. NỘI DUNG

1. Triển khai pháp luật, tuyên truyền nâng cao nhận thức về TMĐT

- Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, quy định pháp luật và lợi ích của TMĐT cho đối tượng là cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ quản lý doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Cập nhật tình hình phát triển TMĐT trên thế giới. Kịp thời phản ánh những vướng mắc, những quy định chưa hợp lý về TMĐT để kiến nghị Chính phủ, Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn.

- Tổ chức thực thi các quy định của pháp luật liên quan tới TMĐT trên địa bàn tỉnh. Thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực TMĐT (ít nhất mỗi năm 01 lần).

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về TMĐT thông qua các hình thức: Truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình... Xây dựng sổ tay, in ấn tờ rơi về TMĐT và các hình thức khác. Tổ chức các sự kiện thúc đẩy phát triển TMĐT.

- Tuyên truyền, phổ biến về sử dụng chữ ký số trong giao dịch điện tử.

- Hàng năm tổ chức điều tra, rà soát khảo sát tình hình ứng dụng và sử dụng giao dịch điện tử trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng và quảng bá giá chỉ số phát triển TMĐT.

- Tổ chức tập huấn chuyên sâu về TMĐT cho đối tượng sinh viên, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Mỗi năm tổ chức 02 lớp cho đối tượng là sinh viên và 03 lớp đối tượng cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ phụ trách CNTT trong các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng thương mại điện tử

- Hỗ trợ xây dựng website TMĐT, triển khai quy trình bán hàng trực tuyến, tích hợp công cụ thanh toán trực tuyến. Hướng dẫn cách thức quảng bá, marketing hiệu quả cho website. Hỗ trợ từ 40 - 50 đơn vị.

- Khuyến khích phát triển dịch vụ cho thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Thúc đẩy ứng dụng thanh toán trực tuyến, thanh toán điện tử, thanh toán bằng thẻ ngân hàng khi giao dịch mua bán hàng hóa. Tuyên truyền sử dụng phần mềm mã nguồn mở trong triển khai ứng dụng TMĐT.

- Hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng công cụ marketing trực tuyến xây dựng thương hiệu trên môi trường internet.

- Phổ biến tiêu chuẩn trao đổi thông điệp dữ liệu trong TMĐT.

3. Nâng cấp sàn giao dịch TMĐT tỉnh

- Nâng cấp sàn giao dịch TMĐT của tỉnh tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến, quản lý trực tuyến hoạt động vận chuyển và sử dụng phiên bản chạy trên các thiết bị di động.

- Marketing, quảng bá và cập nhật dữ liệu, vận hành, khai thác hiệu quả sàn giao dịch TMĐT của tỉnh.

- Tập huấn, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân tham gia sàn giao dịch TMĐT của tỉnh.

4. Phát triển sản phẩm và giải pháp TMĐT

- Phát triển sản phẩm, giải pháp TMĐT hỗ trợ quản lý nhà nước lĩnh vực chuyên ngành:

Xây dựng cơ sở dữ liệu trực tuyến thông tin doanh nghiệp trên địa bàn, kết nối với các huyện, thành phố, thị xã. Hàng năm, cập nhật thông tin các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá và định hướng quản lý kịp thời, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

Xây dựng và vận hành phần mềm cơ sở dữ liệu về quản lý hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu về quản lý các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh phù hợp xu thế phát triển công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

- Hỗ trợ, khai thác lợi ích TMĐT, nâng cao năng lực cho doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh:

+ Cập nhật, cung cấp thông tin về tiềm năng xuất khẩu của tỉnh và danh bạ doanh nghiệp xuất khẩu trên Cổng thông tin xuất khẩu Việt Nam (VNEX). Cung cấp cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp xuất khẩu của tỉnh theo các lĩnh vực ngành hàng.

+ Khai thác thông tin trên Cổng thông tin thị trường nước ngoài: Phổ biến, hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu tìm hiểu thông tin về thị trường tiềm năng tại cổng thông tin thị trường nước ngoài của Bộ Công Thương.

+ Trên cơ sở thông tin khai thác được, cập nhật tình hình thị trường lên trang website của Sở Công Thương và Cổng thông tin xuất khẩu Việt Nam có địa chỉ <http://vietnamexport.com> để cung cấp cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu và các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và Chính quyền điện tử. Triển khai hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã và đồng bộ hệ thống DVC trực tuyến mức độ 3 tiến tới mức độ 4 tại tất cả cơ quan hành chính nhà nước, đảm bảo điều kiện liên thông, quản lý tập trung.

- Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số trong các giao dịch thư điện tử, E-mail để mua hàng trực tuyến, đầu tư chứng khoán trực tuyến, chuyển tiền ngân hàng, thanh toán trực tuyến, kê khai, nộp thuế trực tuyến, khai báo hải quan và thông quan trực tuyến... và đảm bảo bảo mật, an toàn thông tin trong giao dịch điện tử.

- Mở rộng thiết lập và sử dụng hệ thống thư điện tử với tên miền dùng riêng cho từng doanh nghiệp.

- Khuyến khích ứng dụng phần mềm quản lý bán hàng như quản lý kho, thu chi, công nợ... với những công nghệ mới dựa trên tiêu chí đơn giản, thân thiện, giúp người dùng nhanh chóng sử dụng thành thạo. Áp dụng cho các loại

hình kinh doanh như quản lý siêu thị, chuỗi cửa hàng, chi nhánh, các loại hình doanh nghiệp khác nhau như thương mại, sản xuất, dịch vụ.

5. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động phát triển thương mại điện tử

- Tổ chức các đoàn nghiên cứu thị trường và kinh nghiệm ứng dụng TMĐT trong và ngoài nước.
- Tập huấn ngắn hạn, đào tạo chuyên sâu về CNTT và TMĐT cho cán bộ, công chức chuyên trách, phụ trách CNTT và TMĐT.

III. KINH PHÍ TRIỂN KHAI

Dự kiến tổng kinh phí từ ngân sách triển khai Kế hoạch TMĐT tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2020: 7.829 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách trung ương từ Chương trình phát triển TMĐT quốc gia: 3.271 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh: 3.893 triệu đồng.
- Nguồn doanh nghiệp và khác: 665 triệu đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn kinh phí	Năm thực hiện					Tổng cộng
		2016	2017	2018	2019	2020	
I	Hỗ trợ từ Trung ương	299	2195	600	755	455	4304
II	Ngân sách tỉnh	373	1527	952	1044	929	4825
III	Doanh nghiệp	30	135	115	155	140	575
	Tổng Cộng						9704

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với Cục TMĐT và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương; các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai hiệu quả các nội dung Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch. Tham mưu điều chỉnh kế hoạch, khắc phục những tồn tại, vướng mắc nếu có trong quá trình thực hiện.
- Định kỳ hàng năm và đột xuất báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công Thương kết quả thực hiện. Tiếp nhận phản ánh về những vướng mắc, bất cập trong tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về TMĐT trên địa bàn tỉnh để kiến nghị Chính phủ, Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn.
- Tham mưu hoàn thiện môi trường, chính sách phát triển TMĐT trên địa bàn tỉnh. Chủ trì thực hiện Chương trình phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2014 - 2020 trên địa bàn tỉnh.
- Tuyên truyền, phổ biến về pháp luật và lợi ích TMĐT; đào tạo, tập huấn chuyên sâu về TMĐT. Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất kinh doanh

ứng dụng TMĐT và tham gia các Đề án TMĐT. Phát triển hạ tầng, giải pháp TMĐT. Nghiên cứu, khảo sát, học tập kinh nghiệm phát triển TMĐT.

- Định kỳ hàng năm xây dựng Kế hoạch, dự toán kinh phí (từ nguồn kinh phí sự nghiệp và nguồn đầu tư phát triển) gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định đề xuất bố trí ngân sách thực hiện Kế hoạch.

2. Sở thông tin và Truyền thông

- Phát triển hạ tầng viễn thông và internet tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển TMĐT. Đề xuất chính sách thu hút các nhà cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, TMĐT đầu tư kinh doanh trên địa bàn.

- Triển khai đồng bộ Kế hoạch này với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh, gắn kết sự phát triển TMĐT với Chính phủ điện tử.

- Hướng dẫn triển khai chữ ký số và chứng thực chữ ký số và các chuẩn trao đổi dữ liệu. Triển khai xây dựng DVC công trực tuyến cấp độ 3, 4 và hệ thống hội nghị trực tuyến đến cấp xã.

- Chủ trì nâng cấp, vận hành hiệu quả sàn giao dịch TMĐT của tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển. Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên sàn. Quản trị và thực hiện công tác đảm bảo an toàn thông tin cho sàn giao dịch TMĐT của tỉnh.

- Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan liên quan triển khai các vấn đề về an toàn, an ninh mạng; thực hiện các biện pháp đảm bảo bảo mật và an toàn thông tin trong giao dịch TMĐT.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính: Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp, đề xuất bố trí nguồn vốn, phân bổ ngân sách hàng năm đảm bảo thực hiện Kế hoạch TMĐT giai đoạn 2016 - 2020.

4. Các sở, ban, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố, thị xã, các cơ quan đoàn thể

Căn cứ nội dung kế hoạch phối hợp với các đơn vị liên quan; triển khai thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, đào tạo và triển khai việc ứng dụng TMĐT cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị mình.

5. Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Tích cực tham gia, công tác với các chương trình, dự án của các cơ quan nhà nước trong hoạt động phát triển TMĐT; chủ động triển khai ứng dụng TMĐT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH 



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT		Tổng cộng	Kinh phí thực hiện				
			2016	2017	2018	2019	2020
I	Triển khai pháp luật, tuyên truyền nâng cao nhận thức về TMĐT	1615	105	390	390	415	315
1	Phổ biến pháp luật về TMĐT, tuyên truyền lợi ích TMĐT (4000 lượt), trong đó: <i>Ngân sách địa phương</i>	500 500		120 120	120 120	130 130	130 130
2	Đào tạo, tập huấn cho sinh viên và doanh nghiệp về kỹ năng khai thác TMĐT 3000 lượt), trong đó: <i>Ngân sách trung ương</i> <i>Ngân sách địa phương</i>	520 332 188	60 42 18	110 70 40	110 70 40	120 75 45	120 75 45
3	Xuất bản tờ rơi, sổ tay, tài liệu... hướng dẫn, tuyên truyền trên truyền hình và báo về TMĐT, thuê liên kết trang thông tin điện tử, trong đó: <i>Nguồn ngân sách trung ương</i> <i>Ngân sách địa phương</i>	300 240 60		100 80 20	100 80 20	100 80 20	
4	Điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình ứng dụng TMĐT; xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về TMĐT, trong đó: <i>Ngân sách địa phương</i>	145 145	15 15	30 30	30 30	35 35	35 35
5	Thanh tra chuyên ngành về bán hàng bằng TMĐT <i>Ngân sách địa phương</i>	150 150	30 30	30 30	30 30	30 30	30 30
II	Phát triển kết cấu hạ tầng thương mại điện tử	1622	317	340	260	395	310
1	Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng Webstie TMĐT tích hợp thanh toán trực tuyến <i>Ngân sách trung ương</i> <i>Ngân sách địa phương</i> <i>Doanh nghiệp</i>	1267 757 240 270	317 257 60	220 120 40 60	220 120 40 60	250 130 50 70	260 130 50 80
2	Đào tạo, hướng dẫn doanh nghiệp marketing, quảng bá website TMĐT <i>Ngân sách trung ương</i> <i>Ngân sách địa phương</i> <i>Doanh nghiệp</i>	175 85 45 45		80 40 20 20		95 45 25 25	
3	Hướng dẫn, phổ biến về chữ ký số, thanh toán điện tử và chuẩn trao đổi dữ liệu <i>Ngân sách địa phương</i>	180 180		40 40	40 40	50 50	50 50
III	Nâng cấp sàn giao dịch TMĐT	2680	120	2120	140	150	150
1	Nâng cấp sàn giao dịch TMĐT tỉnh tích hợp thanh toán trực tuyến, sử dụng phiên bản chạy trên thiết bị di động <i>Ngân sách trung ương</i> <i>Ngân sách địa phương</i>	2000 1500 500		2000 1500 500			
2	Maketing, quảng bá, cập nhật, vận hành sàn <i>Ngân sách địa phương</i>	460 460	80 80	80 80	100 100	100 100	100 100
3	Tập huấn hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sàn <i>Ngân sách địa phương</i>	220 220	40 40	40 40	40 40	50 50	50 50

IV	Phát triển sản phẩm và giải pháp TMĐT	3347	150	817	797	914	669
1	Hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký chữ ký số	240		60	60	60	60
	Ngân sách địa phương	150		35	35	40	40
	Doanh nghiệp	90		25	25	20	20
2	Xây dựng dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3-4	1990	90	450	450	500	500
	Ngân sách trung ương	900		200	200	250	250
	Ngân sách địa phương	1090	90	250	250	250	250
3	Hỗ trợ đăng ký thành viên sàn giao dịch TMĐT tỉnh	200	40	40	40	40	40
	Ngân sách địa phương	100	20	20	20	20	20
	Doanh nghiệp	100	20	20	20	20	20
4	Xây dựng vận hành phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh	220		220			
	Ngân sách trung ương	75		75			
	Ngân sách địa phương(30%)	145		145			
5	Xây dựng vận hành phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	200			200		
	Ngân sách trung ương	130			130		
	Ngân sách địa phương	70			70		
6	Xây dựng và vận hành phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý thông tin doanh nghiệp	250				250	
	Ngân sách trung ương	175				175	
	Ngân sách địa phương	75				75	
7	Cung cấp thông tin xuất khẩu và danh bạ doanh nghiệp xuất khẩu trên cổng thông tin xuất khẩu VietnamExport	75		15	15	20	25
	Ngân sách địa phương	75		15	15	20	25
8	Khai thác thông tin thị trường nước ngoài	32		7	7	9	9
	Ngân sách địa phương	32		7	7	9	9
9	Hỗ trợ thiết lập và sử dụng hệ thống thư điện tử với tên miền dùng riêng cho từng Doanh nghiệp	140	20	25	25	35	35
	Ngân sách địa phương	70	10	15	15	15	15
	Doanh nghiệp	70	10	10	10	20	20
V	Khảo sát học tập kinh nghiệm và nhiệm vụ khác	440	10	190	80	80	80
1	Tổ chức nghiên cứu thị trường và kinh nghiệm phát triển TMĐT	110		110			
	Ngân sách Trung ương	110		110			
2	Tập huấn ngắn hạn, đào tạo chuyên sâu về TMĐT cho cán bộ QLNN chuyên trách, phụ trách	330	10	80	80	80	80
	Ngân sách địa phương	330	10	80	80	80	80
	Tổng	9704	702	3857	1667	1954	1524
	Trong đó:						
	Ngân sách địa phương	4825	373	1527	952	1044	929
	Chương trình phát triển TMĐT quốc gia	4304	299	2195	600	755	455
	Doanh nghiệp	575	30	135	115	155	140

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH